

Thông tin chung

Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TÂN BÌNH
Địa chỉ	248A Nơ Trang Long, Quận BìnhThạnh, TP. Hồ Chí Minh
Báo cáo	Báo cáo tài chính
Niên độ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009
Tổng Giám đốc	NGÔ VĂN VỊ
Kế toán trưởng	ĐÀO TRUNG THANH
Người lập biểu	TRƯƠNG THỊ THÙY LINH
Ngày lập	Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2010

Kiểm soát số liệu



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TÂN BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
29 Võ thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Tel: (08) 38 205 944; Fax: (08) 38 205 942

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán	5 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	6 - 9
- Kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

Công ty

Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Điện tử Tân Bình thành công ty cổ phần theo Quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002463 đăng ký lần đầu ngày 06/07/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/04/2008, thay đổi lần thứ 4 ngày 21/06/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính: 248A Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại

Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất, lắp ráp, bảo hành và kinh doanh các sản phẩm điện, điện tử và tin học (không tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện). Kinh doanh Bất động sản, văn phòng cho thuê. Sản xuất, lắp ráp, bảo trì, mua bán các sản phẩm điện lạnh - điện dân dụng. Sản xuất hàng điện-điện tử (không rèn, đúc , cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Mua bán máy giặt, thiết bị điện tử viễn thông-điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại.

Thiết kế hệ thống máy tính (thiết kế, tạo lập trang chủ, internet, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp với phần cứng, phần mềm và với các công nghệ truyền thông), (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ Internet tại trụ sở). Tích hợp mạng cục bộ (LAN). Tư vấn phần cứng-phần mềm máy tính. Bảo dưỡng, sửa chữa máy tính, máy văn phòng. Mua bán máy tính, phần mềm máy tính đã đóng gói, thiết bị ngoại vi. Sửa chữa, bảo dưỡng máy điều hòa không khí, máy giặt , máy sấy, tủ lạnh, máy hút ẩm, hút khí, khử mùi, máy khâu, đồ điện, hệ thống điện dân dụng, thiết bị chụp ảnh, tivi, loa. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet, cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet (không kinh doanh đại lý dịch vụ Internet tại trụ sở). Mua bán máy in, phụ tùng và vật tư ngành in, máy Photocopy, máy vẽ, thiết bị phục vụ thiết kế, thiết bị phòng thí nghiệm, giường tủ, bàn ghế. Cho thuê máy móc thiết bị văn phòng.

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi). Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa (không hoạt động tại trụ sở). Bốc xếp hàng hóa. Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Môi giới thuê tàu biển, phương tiện vận tải bộ; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa , kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần./.

Hình thức sở hữu vốn:

Là công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh vào thời điểm 31/12/2009 là 120.000.000.000 đồng. Vốn góp thực tế tại thời điểm 31/12/2009 là 119.820.500.000 đồng.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông LÊ NGỌC SƠN	Chủ tịch
Ông NGÔ VĂN VỊ	Ủy viên
Ông BÙI KIM KHÁNH	Ủy viên
Ông NGUYỄN VĂN BẢO	Ủy viên
Ông VŨ HOÀNG CHƯƠNG	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TÂN BÌNH**Báo cáo tài chính**

248A Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Ông NGÔ VĂN VỊ	Tổng Giám đốc	
Ông VŨ DƯƠNG NGỌC DUY	Phó Tổng Giám đốc	
Ông NGHIÊM XUÂN VÂN	Phó Tổng Giám đốc	
Ông VŨ HOÀNG CHUƠNG	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 21/10/2009

Các thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Bà NGUYỄN THỊ VI MINH	Trưởng ban	
Bà TRƯƠNG THỊ THUY LINH	Thành viên	Được bổ nhiệm ngày 11/04/09
Ông HUỖNH VĂN ĐỨC	Thành viên	Được bổ nhiệm ngày 11/04/09

Kế toán trưởng

Ông ĐÀO TRUNG THANH	Bổ nhiệm ngày 01/03/2009
Bà VÕ THỊ THANH HÀ	Miễn nhiệm ngày 01/03/2009

Tình hình kinh doanh của Công ty

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009 là 26.211.913.236 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2008 lợi nhuận sau thuế là 24.501.190.981 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2009 là 37.754.337.290 VND (Năm 2008 lợi nhuận chưa phân phối là 25.174.584.055 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng được tuân thủ đầy đủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị **Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình** phê duyệt Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty.

TP. HCM, ngày 22 tháng 02 năm 2010

TM. Hội đồng Quản trị

TP. HCM, ngày 22 tháng 02 năm 2010

TM. Ban Giám đốc

LÊ NGỌC SƠN
Chủ tịch

NGÔ VĂN VỊ
Tổng Giám đốc

Số :/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2009 kết thúc vào ngày 31/12/2009
của Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình (VTB)

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TÂN BÌNH (VTB)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của **Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình (VTB)** được lập ngày 10/01/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính của **Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình (VTB)** đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Tổng Giám đốc**

TP. HCM, ngày 23 tháng 02 năm 2010

Kiểm toán viên

ĐỖ KHẮC THANH
CPA số: Đ0064/KTV

PHÙNG VĂN THẮNG
CPA số: 0650/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		187,196,957,038	188,991,077,273
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10,980,174,450	45,521,572,081
1. Tiền	111	03	10,980,174,450	45,521,572,081
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		42,104,775,008	35,644,680,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	04	42,104,775,008	35,644,680,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		0	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67,941,065,278	59,013,298,001
1. Phải thu khách hàng	131		59,290,329,593	33,096,362,523
2. Trả trước cho người bán	132		7,749,262,855	18,112,583,318
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	-
5. Các khoản phải thu khác	138	05	990,003,901	8,518,881,862
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	06	-88,531,071	(714,529,702)
IV. Hàng tồn kho	140		60,006,289,130	32,327,447,587
1. Hàng tồn kho	141	07	60,326,289,130	32,644,062,589
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-320,000,000	(316,615,002)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,164,653,172	16,484,079,604
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		547,643,693	262,438,950
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4,044,111,646	1,275,155,253
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		0	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	08	1,572,897,833	14,946,485,401

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		125,862,178,502	73,977,851,896
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6,549,484,838	6,549,484,838
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		0	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		0	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	09	6,549,484,838	6,549,484,838
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	-
II. Tài sản cố định	220		81,299,268,471	34,118,422,115
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	54,099,213,209	3,584,059,945
- Nguyên giá	222		90,292,757,748	37,414,541,440
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-36,193,544,539	(33,830,481,495)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	-
- Nguyên giá	225		0	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	25,804,844,535	26,319,628,599
- Nguyên giá	228		26,549,937,307	26,549,937,307
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-745,092,772	(230,308,708)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	1,395,210,727	4,214,733,571
III. Bất động sản đầu tư	240		0	-
- Nguyên giá	241		0	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		36,808,600,514	32,227,100,514
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	7,657,000,000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	14	27,126,600,514	27,126,600,514
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	2,025,000,000	5,100,500,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		0	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,204,824,679	1,082,844,429
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	1,204,824,679	1,082,844,429
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		313,059,135,540	262,968,929,169

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ	300		103,748,166,817	62,061,624,890
I. Nợ ngắn hạn	310		102,562,734,351	54,471,167,365
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	54,625,819,743	20,275,561,650
2. Phải trả người bán	312		21,591,437,212	8,359,904,077
3. Người mua trả tiền trước	313		1,586,786,648	203,997,168
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	1,165,463,270	1,080,654,924
5. Phải trả người lao động	315		1,151,051,462	557,083,598
6. Chi phí phải trả	316	19	3,022,332,208	1,715,800,312
7. Phải trả nội bộ	317		0	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	19,419,843,808	22,278,165,636
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	-
II. Nợ dài hạn	330		1,185,432,466	7,590,457,525
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	21	1,162,401,466	910,612,374
4. Vay và nợ dài hạn	334		0	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		23,031,000	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	22	0	6,679,845,151
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		209,310,968,723	200,907,304,279
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	208,841,219,097	200,304,604,303
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		119,820,500,000	119,820,500,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69,306,398,800	69,306,398,800
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-20,237,681,241	(14,236,878,552)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1,457,664,248	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		0	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		740,000,000	240,000,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		37,754,337,290	25,174,584,055
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		0	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		469,749,626	602,699,976
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		469,749,626	602,699,976
2. Nguồn kinh phí	432		0	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		313,059,135,540	262,968,929,169

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		17,904.24	1,017,109.27
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2010
Tổng Giám đốc

TRƯƠNG THỊ THÙY LINH

ĐÀO TRUNG THANH

NGÔ VĂN VỊ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2009

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	302,618,415,755	219,095,820,651
02	2. Các khoản giảm trừ	25	2,307,023,691	2,881,852,203
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	300,311,392,064	216,213,968,448
11	4. Giá vốn hàng bán	27	258,620,817,004	175,854,893,719
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		41,690,575,060	40,359,074,729
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	29,729,183,303	31,015,988,064
22	7. Chi phí tài chính	29	9,765,916,502	5,619,253,338
23	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>		<i>1,742,841,303</i>	<i>2,542,475,315</i>
24	8. Chi phí bán hàng		28,771,643,864	28,641,464,761
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		7,103,962,395	11,935,342,330
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25,778,235,602	25,179,002,364
31	11. Thu nhập khác		3,195,000,902	3,162,726,213
32	12. Chi phí khác		2,010,302,848	2,669,524,988
40	13. Lợi nhuận khác		1,184,698,054	493,201,225
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26,962,933,656	25,672,203,589
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	751,020,420	1,171,012,608
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		26,211,913,236	24,501,190,981
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	#REF!	2,185

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

TRƯƠNG THỊ THÙY LINH

ĐÀO TRUNG THANH

NGÔ VĂN VỊ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2009

(Theo phương pháp trực tiếp)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	297140941678	291,786,038,788
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	-210390597471	(159,813,501,159)
3. Tiền chi trả cho người lao động	-10453465000	(9,527,667,000)
4. Tiền chi trả lãi vay	-2232974699	(2,752,250,997)
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	-633532028	(575,054,043)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	49090035187	56,969,102,560
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	-88192343275	(111,078,278,353)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	34328064392	65,008,389,796
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-775558471	(59,073,952)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	0	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-55818440004	(144,655,103,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	41292004461	190,137,736,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-7657000000	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	0	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	11956451183	21,279,621,284
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-11002542831	66,703,180,332

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2009

(Theo phương pháp trực tiếp)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	0	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	0	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	17553653220	26,014,497,477
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	-75410859899	(131,223,560,416)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-57857206679	(105,209,062,939)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-34531685118	26,502,507,189
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	45521572081	19,019,064,892
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-9712513	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	10980174450	45,521,572,081
	0.00	-
	Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2010	
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

TRƯƠNG THỊ THÙY LINH

ĐẠO TRUNG THANH

NGÔ VĂN VỊ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Điện tử Tân Bình thành công ty cổ phần theo Quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002463 đăng ký lần đầu ngày 06/07/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/04/2008, thay đổi lần thứ 4 ngày 21/06/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính: 248A Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại

Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất, lắp ráp, bảo hành và kinh doanh các sản phẩm điện, điện tử và tin học (không tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện). Kinh doanh Bất động sản, văn phòng cho thuê. Sản xuất, lắp ráp, bảo trì, mua bán các sản phẩm điện lạnh - điện dân dụng. Sản xuất hàng điện-điện tử (không rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Mua bán máy giặt, thiết bị điện tử viễn thông-điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại.

Thiết kế hệ thống máy tính (thiết kế, tạo lập trang chủ, internet, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp với phần cứng, phần mềm và với các công nghệ truyền thông), (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ Internet tại trụ sở). Tích hợp mạng cục bộ (LAN). Tư vấn phần cứng-phần mềm máy tính. Bảo dưỡng, sửa chữa máy tính, máy văn phòng. Mua bán máy tính, phần mềm máy tính đã đóng gói, thiết bị ngoại vi. Sửa chữa, bảo dưỡng máy điều hòa không khí, máy giặt, máy sấy, tủ lạnh, máy hút ẩm, hút khí, khử mùi, máy khâu, đồ điện, hệ thống điện dân dụng, thiết bị chụp ảnh, tivi, loa. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet, cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet (không kinh doanh đại lý dịch vụ Internet tại trụ sở). Mua bán máy in, phụ tùng và vật tư ngành in, máy Photocopy, máy vẽ, thiết bị phục vụ thiết kế, thiết bị phòng thí nghiệm, giường tủ, bàn ghế. Cho thuê máy móc thiết bị văn phòng.

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi). Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa (không hoạt động tại trụ sở). Bốc xếp hàng hóa. Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Môi giới thuê tàu biển, phương tiện vận tải bộ; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần./.

Hình thức sở hữu vốn:

Là công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh vào thời điểm 31/12/2009 là 120.000.000.000 đồng. Vốn góp thực tế tại thời điểm 31/12/2009 là 119.820.500.000 đồng.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TÂN BÌNH**Báo cáo tài chính**248A NơTrang Long, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc *tỷ giá bình quân liên ngân hàng*) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được thực hiện theo thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao áp dụng và các trường hợp khấu hao đặc biệt: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là: 0 %

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;

- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);

- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;

- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ xung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

3. TIỀN	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	440,628,606	4,571,202,056
Tiền gửi ngân hàng :	10,539,105,844	40,950,370,025
+ VND:	10,217,885,861	23,678,905,948
- Ngân hàng VCB	-	21,236,073,727
- Ngân hàng HSBC - CN TPHCM	7,405,048	97,506,189
- Ngân hàng ACB - CN Bình Tây	2,062,791,510	1,712,649,560
- Ngân hàng Citibank - CN TPHCM	492,248,072	589,572,000
- Ngân hàng BIDV TPHCM	50,243,951	42,493,179
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Định	4,023,274,052	-
- Ngân hàng Deutsche Bank - CN TPHCM	157,880	-
- Ngân hàng Quân đội - CNTPHCM	3,581,765,348	611,293
+ USD:	321,219,983	17,271,464,077
- Ngân hàng VCB	320,505,928	17,251,797,750
- Ngân hàng HSBC	-	19,196,233
- Ngân hàng ACB	393,447	166,714
- Ngân hàng Citibank	79,300	75,038
- Ngân hàng Deutsche Bank - CN TPHCM	83,606	-
- Ngân hàng BIDV	157,702	149,228
- Ngân hàng Quân đội	-	79,113
Tiền đang chuyển	440,000	-
Tổng cộng	10,980,174,450	45,521,572,081
4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn:	42,104,775,008	35,644,680,000
+ Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn:	30,000,000,000	10,600,000,000
- Ngân hàng HSBC	-	3,600,000,000
- Ngân hàng Vietcombank	-	7,000,000,000
- Ngân hàng ACB	30,000,000,000	-
+ Cho vay ngắn hạn:	12,104,775,008	25,044,680,000
- Nhân viên công ty	2,104,775,008	4,144,680,000
- Công ty CP Công nghệ Việt (Vitek)	-	10,900,000,000
- Công ty CP QL quỹ đầu tư Thành Việt	10,000,000,000	10,000,000,000
Tổng cộng	42,104,775,008	35,644,680,000
5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	-	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
Phải thu người lao động	-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
Phải thu khác	990,003,901	8,518,881,862
Tổng cộng	990,003,901	8,518,881,862

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TÂN BÌNH		Báo cáo tài chính
248A Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009
6. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ FPT	-	(12,000,000)
Công ty TNHH PTCNKT Tin học Gia Kỳ	-	(160,908,080)
Công ty TNHH Thu Ngân	-	(489,414,494)
Doanh nghiệp tư nhân Hải Trung	-	(27,207,128)
DNTN Điện máy HTC	(19,567,000)	(25,000,000)
Cty TNHH TM Đức Tuấn	(68,964,071)	-
Tổng cộng	(88,531,071)	(714,529,702)
7. HÀNG TỒN KHO	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	32,219,744,136	10,058,826,468
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,463,915,590	666,345,276
Thành phẩm	25,138,916,186	19,716,757,004
Hàng hóa	1,503,713,218	2,202,133,841
Tổng cộng	60,326,289,130	32,644,062,589
- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: 0 VND. - Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 3.384.998 VND		
8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	281,612,871	400,990,000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	1,291,284,962	14,545,495,401
Tổng cộng	1,572,897,833	14,946,485,401
9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty TNHH JVC Việt Nam	6,549,484,838	6,549,484,838
Tổng cộng	6,549,484,838	6,549,484,838

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	20,860,386,954	14,571,890,685	1,982,263,801	37,414,541,440
2. Số tăng trong kỳ	31,848,090,467	22,762,811,419	-	54,610,901,886
Bao gồm:				-
- Mua sắm mới	-	22,762,811,419	-	22,762,811,419
- Xây dựng mới	31,848,090,467	-	-	31,848,090,467
-Tăng khác	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	180,538,700	1,552,146,878	-	1,732,685,578
Bao gồm:				-
- Thanh lý	180,538,700	1,452,290,323		1,632,829,023
- Nhượng bán	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu t	-	-	-	-
- Giảm khác	-	99,856,555	-	99,856,555
4. Số dư cuối kỳ	52,527,938,721	35,782,555,226	1,982,263,801	90,292,757,748
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	19,393,311,593	12,730,797,297	1,706,372,605	33,830,481,495
2. Khấu hao trong kỳ	1,338,088,456	2,106,274,291	275,891,196	3,720,253,943
3. Giảm trong kỳ	-	1,357,190,899	-	1,357,190,899
Gồm:				-
- Chuyển sang BĐS đầu t	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	1,260,720,199	-	1,260,720,199
- Giảm khác	-	96,470,700	-	96,470,700
4. Số dư cuối kỳ	20,731,400,049	13,479,880,689	1,982,263,801	36,193,544,539
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH				
1. Tại ngày đầu năm	1,467,075,361	1,841,093,388	275,891,196	3,584,059,945
2. Tại ngày cuối kỳ	31,796,538,672	22,302,674,537	-	54,099,213,209

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 0 đ

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 29.231.068.692 đ

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đ

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: 0 đ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	26,132,193,780	417,743,527		26,549,937,307
2. Số tăng trong năm	-	-		-
Bao gồm:				
- Mua trong năm		-		-
- Tạo ra từ nội bộ DN				-
- Tăng do hợp nhất KD				-
- Tăng khác				-
3. Số giảm trong năm				-
Bao gồm:				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				-
4. Số dư cuối năm	26,132,193,780	417,743,527		26,549,937,307
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	-	230,308,708		230,308,708
2. Số tăng trong năm	405,150,288	109,633,776		514,784,064
3. Số giảm trong năm	-	-		-
Bao gồm:				
- Thanh lý nhượng bán				-
- Giảm khác				-
4. Số dư cuối năm	405,150,288	339,942,484		745,092,772
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	26,132,193,780	187,434,819		26,319,628,599
2. Tại ngày cuối năm	25,727,043,492	77,801,043		25,804,844,535

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1,395,210,727	4,214,733,571
- Công trình xây dựng Nhà máy sản xuất lắp ráp điện tử, điện dân dụng Tân Bình - KCN Vĩnh Lộc	-	4,214,733,571
- Dự án xây dựng cao ốc văn phòng số 6 Phạm Văn Hai.	1,395,210,727	-
Tổng cộng	1,395,210,727	4,214,733,571

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty CP CNTT Việt Tân Bình (tỷ lệ vốn góp 51%)	7,657,000,000	-
Tổng cộng	7,657,000,000	-

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư vào liên doanh	27,126,600,514	27,126,600,514
Đầu tư vào liên kết	-	-
Tổng cộng	27,126,600,514	27,126,600,514

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Loại hình đầu tư	Số vốn đầu tư (USD)	Số vốn đầu tư (VND)	Tỷ lệ vốn góp (%)
Công ty TNHH Sony Việt Nam	Liên doanh	1,500,000	16,646,100,514	30%
Công ty TNHH JVC Việt Nam	Liên doanh	900,000	10,480,500,000	30%

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu (*)	2,025,000,000	5,100,500,000
Tổng cộng	2,025,000,000	5,100,500,000

(*) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Việt (Vitek)

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí sửa chữa nhà xưởng 248 Nơ Trang Long	272,318,460	-
Chi phí sửa chữa sân cỏ nhân tạo	529,079,027	-
Chi phí công cụ dụng cụ	403,427,192	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	1,082,844,429
Tổng cộng	1,204,824,679	1,082,844,429

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn:	54,625,819,743	20,275,561,650
- Ngân hàng HSBC	-	5,766,791,500
- Ngân hàng Vietcombank(VCB)	43,845,707,595	14,508,770,150
- Ngân hàng ACB	10,780,112,148	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Tổng cộng	54,625,819,743	20,275,561,650

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	100,241,361	814,239
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	115,510,487	82,318,840
Thuế thu nhập doanh nghiệp	751,020,422	633,532,029
Thuế thu nhập cá nhân	198,691,000	363,989,816
Tổng cộng	1,165,463,270	1,080,654,924

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
Trích trước chi phí bảo hành, khuyến mãi, ...	3,022,332,208	1,715,800,312
Tổng cộng	3,022,332,208	1,715,800,312

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	3,746,439	70,791,995
Bảo hiểm xã hội	114,104,116	2,330,408
Bảo hiểm y tế	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	9,111,260,000	15,622,520,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác:	10,190,733,253	6,582,523,233
- Cổ đông	403,815,100	4,360,898,600
- Chiết khấu bán hàng Khu vực Miền Bắc	1,372,860,973	935,293,807
- Chiết khấu bán hàng Khu vực Miền Nam	1,705,191,029	1,283,554,096
- Đối tượng khác	6,708,866,151	2,776,730
Tổng cộng	19,419,843,808	22,278,165,636

21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1,162,401,466	910,612,374
Tổng cộng	1,162,401,466	910,612,374

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long, Quận BìnhThạnh, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Trích lập dự phòng theo Biên bản kiểm toán Nhà nước	-	6,679,845,151
Tổng cộng	-	6,679,845,151

23. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	110,053,450,000	69,306,398,800	-	-	-	35,949,723,326	215,309,572,126
Tăng vốn trong năm trước	9,767,050,000	-	-	-	-	-	9,767,050,000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	240,000,000	24,501,190,981	24,741,190,981
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	(14,236,878,552)	-	-	(33,344,619,001)	(47,581,497,553)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(1,931,711,251)	(1,931,711,251)
Số dư cuối năm trước	119,820,500,000	69,306,398,800	(14,236,878,552)	-	240,000,000	25,174,584,055	200,304,604,303
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	26,211,913,236	26,211,913,236
Tăng khác	-	-	-	1,457,664,248	500,000,000	-	1,957,664,248
Giảm vốn trong năm nay	-	-	(6,000,802,689)	-	-	-	(6,000,802,689)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(13,632,160,001)	(13,632,160,001)
Số dư cuối kỳ này	119,820,500,000	69,306,398,800	(20,237,681,241)	1,457,664,248	740,000,000	37,754,337,290	208,841,219,097
	-	-	-	-	-	0	-

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu				
	Cuối năm VND	%	Đầu năm VND	%
Tổng Công ty Cổ phần điện tử và Tin học Việt Nam	66,449,092,840	55.46%	66,449,092,840	55.46%
Vốn góp của các đối tượng khác	53,371,407,160	44.54%	53,371,407,160	44.54%
Tổng cộng	119,820,500,000	100%	119,820,500,000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận				
	Năm nay VND		Năm trước VND	
-Vốn đầu tư của chủ sở hữu				
Vốn góp đầu năm	119,820,500,000		110,053,450,000	
Vốn góp tăng trong năm	-		9,767,050,000	
Vốn góp giảm trong năm	-		-	
Vốn góp cuối năm	119,820,500,000	-	119,820,500,000	
-Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11,022,660,000		33,344,619,001	

đ) Cổ phiếu		
	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12,000,000	12,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11,982,050	11,982,050
- Cổ phiếu phổ thông	11,982,050	11,982,050
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	959,390	#REF!
- Cổ phiếu phổ thông	959,390	#REF!
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11,022,660	11,462,360
- Cổ phiếu phổ thông	11,022,660	11,462,360
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty		
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Quỹ dự phòng tài chính	740,000,000	240,000,000
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	469,749,626	602,699,976
* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TÂN BÌNH**Báo cáo tài chính**

248A Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

24. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	302,618,415,755	219,095,820,651
Tổng cộng	302,618,415,755	219,095,820,651

25. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hàng bán bị trả lại	2,307,023,691	2,881,852,203
Tổng cộng	2,307,023,691	2,881,852,203

26. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ	300,311,392,064	216,213,968,448
Tổng cộng	300,311,392,064	216,213,968,448

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	33,719,902,695	34,456,815,829
Giá vốn của thành phẩm đã bán	224,900,914,309	141,398,077,890
Tổng cộng	258,620,817,004	175,854,893,719

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3,516,803,381	5,776,883,282
Cổ tức, lợi nhuận được chia:	17,920,625,293	23,042,644,678
- Công ty TNHH Sony Việt Nam	6,511,260,000	17,435,812,550
- Công ty TNHH JVC Việt Nam	2,096,100,000	4,192,200,000
- Công ty Cổ phần Công Nghệ Việt	9,313,265,293	1,414,632,128
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,278,742,457	2,196,460,104
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6,013,012,172	-
Tổng cộng	29,729,183,303	31,015,988,064

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1,742,841,303	2,542,475,314
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,179,388,879	3,076,778,024
Chi phí tài chính khác	6,843,686,320	-
Tổng cộng	9,765,916,502	5,619,253,338

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	751,020,420	1,171,012,608
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	751,020,420	1,171,012,608

Ghi chú: Theo nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ, Công ty được ưu đãi thuế như sau:

Được miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2005-2006) và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo (2007-2009).

Riêng đối với hoạt động sản xuất máy vi tính được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong 10 năm (2004-2013).

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26,211,913,236	24,501,190,981
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	#REF!	11,211,648
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	#REF!	2,185

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	218,616,430,332	139,982,931,335
Chi phí nhân công	13,008,525,876	11,529,835,489
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,216,527,988	1,338,699,542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21,774,087,130	23,150,263,958
Chi phí khác bằng tiền	11,528,343,593	9,807,291,906
Tổng cộng	269,143,914,919	185,809,022,230

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu **Kế toán trưởng** **Tổng Giám đốc**

TRƯƠNG THỊ THÙY LINH **ĐÀO TRUNG THAN** **NGÔ VĂN VỊ**